

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM BÔI
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2024.

“Về Hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BÔI, TỈNH HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trung Tính và ông Nguyễn Văn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Thường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bôi tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Q**, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1990

Cùng cư trú tại: **Xóm M, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.**

(Chị **Q** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **C** vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Bùi Thị Q** trình bày:*

Chị **Bùi Thị Q** và anh **Nguyễn Văn C** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Về nguyên nhân ly hôn, chị **Q** cho rằng từ đầu năm 2020, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, anh **C** không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, nhiều lần anh **C** uống rượu say, về nhà lời qua tiếng lại thì đánh

đập vợ. Sau những lần cãi nhau, vợ chồng có ngồi lại nói chuyện với nhau, chị Q có khuyên can nhưng anh C vẫn không thay đổi, nên chị Q quyết định sống ly thân với anh C từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, chị Q làm đơn và giữ nguyên yêu cầu của mình đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung, chị Q và anh C có 03 con chung là cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 25/8/2010; cháu Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 17/10/2015 và cháu Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 07/3/2018.

Thời gian vợ chồng sống ly thân, chị Q trực tiếp nuôi dưỡng các con. Nay vợ chồng ly hôn, chị Q mong muốn tiếp tục được trực tiếp nuôi cả 03 con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Q chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của anh C đối với các con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Q trình bày không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không nợ tổ chức tín dụng nào.

Đối với bị đơn (anh C) có biết việc giải quyết ly hôn nhưng đều vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng anh C vẫn gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, từ đó không ghi được lời khai và ý kiến trình bày của anh C và không tiến hành kiểm tra chứng cứ và không hòa giải được.

Những vấn đề thống nhất và không thống nhất:

Do anh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên hai bên không thống nhất được với nhau về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con sau khi ly hôn; tài sản và công nợ chung.

Kết quả xác minh: Bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ anh C) và chính quyền địa phương xác nhận, chị Q và anh C kết hôn với nhau tự nguyện. Quá trình chung sống chị Q và anh C có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C uống rượu say, về nhà lời qua tiếng lại dẫn đến đánh đập vợ.

Về con chung, chị Q và anh C có 03 con chung, từ nhỏ cũng như thời gian vợ chồng sống ly thân, đều do chị Q trực tiếp nuôi các cháu. Nay chị Q và anh C ly hôn, bà Lê Thị H1 (mẹ đẻ anh C) đề nghị cho chị Q được tiếp tục trông nom và nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản và công nợ chung: Bà Lê Thị H1 xác nhận, chị Q và anh C không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Về thủ tục tổng đạt: Bà Lê Thị H1 và đại diện chính quyền địa phương đều xác nhận, anh C được Tòa án tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản, nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh C) đã được Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C đều vắng mặt; chị Bùi Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về nội dung: Xét hôn nhân của chị Q và anh C mâu thuẫn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử chấp nhận yêu cầu của chị Q được ly hôn với anh C là có căn cứ.

- Về con chung: Chị Q và anh C 03 con chung, anh C thường xuyên đi làm ăn xa. Quá trình giải quyết, anh C không chịu hợp tác để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn. Nên giao cho chị Q là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý.

- Về tài sản và công nợ chung: Căn cứ vào lời khai của chị Q và kết quả xác minh của Tòa án cho thấy chị Q và anh C không có, nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên nguyên đơn (chị Q) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu tại nơi có trụ sở Tòa án giải quyết tranh chấp, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng, bị đơn (anh C) trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết đầy đủ, nhưng cố tình không hợp tác;

chị **Bùi Thị Q** có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 177; 179; 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: **Chị Bùi Thị Q và anh Nguyễn Văn C** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, nhận thấy **chị Q và anh C** không còn hạnh phúc, mặc dù cả hai đều đã cố gắng nhưng không thay đổi, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ **đầu năm 2020** đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của **chị Q** đối với **anh C** là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: **Chị Q và anh C** có 03 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 25/8/2010; cháu **Nguyễn Thị Khánh H**, sinh ngày 17/10/2015 và cháu **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 07/3/2018.

Quá trình giải quyết vụ án, anh **C** đều không có mặt để trình bày ý kiến của mình về việc nuôi con sau khi ly hôn; thời gian vợ chồng sống ly thân, **chị Q** trực tiếp nuôi dưỡng các con. Vì vậy, sau khi ly hôn giao cho **chị Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con là hợp lý. Trường hợp anh **C** có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: **Chị Q và anh C** không có. Do vậy, không đề cập giải quyết ở phần quyết định.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn (**chị Q**) phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; 227; 228; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của **chị Bùi Thị Q** đối với **anh Nguyễn Văn C**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho **chị Bùi Thị Q** được ly hôn với **anh Nguyễn Văn C**.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn, giao 03 cháu **Nguyễn Ngọc L**, sinh ngày 25/8/2010; cháu **Nguyễn Thị Khánh H**, sinh ngày 17/10/2015 và cháu **Nguyễn Tuấn T**, sinh ngày 07/3/2018 cho **chị Bùi Thị Q** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, **chị Q** chưa yêu cầu, tùy thuộc vào trách nhiệm và tình cảm của **anh C** đối với các con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị Q** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị Q** đã nộp, theo biên lai thu tiền số **0003163** ngày **01/3/2024** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Bùi Thị Q** và anh **Nguyễn Văn C** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Hòa Bình;
- VKS ND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Kim Bôi;
- Chi cục THA-DS huyện Kim Bôi;
- UBND xã Mỹ Hoà, huyện Kim Bôi, nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

